TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 952/2023/HSPT
Ngày 14/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 514/2023/TLPT-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Lê Vũ O, Nguyễn Thị Kiều H, Nguyễn Thị Bích D và Lê Thị Th, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2023/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng N.

Bị cáo có kháng cáo và kháng nghị:

1. Nguyễn Lê Vũ O, sinh năm 1976; tại tỉnh Ninh Thuận.

Nơi thường trú: Tổ 45, k p 4C, phường Trảng D, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N; chỗ ở hiện nay: R17, c c C5, Nguyễn Trung Tr, phường 4, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị L; bị cáo có vợ là Phạm Thị Thư S, sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tạm giam ngày 25/02/2021 và tạm tha ngày 26/12/2022; có mặt.

2. Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm 1989; tại tỉnh Đồng N.

Nơi thường trú: Tổ 2, Ấp 1, xã Thanh S, huyện Định Q, tỉnh Đồng N; nơi cư trú: C365, Tổ 17, K p 5, phường Tân H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn:

12/12; nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng; con ông Nguyễn Bá C và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt.

3. Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1977; tại tỉnh Đồng N;

Nơi thường trú và nơi cư trú: 40/63, đường Nguyễn D, K p 4, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng N; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Nguyễn Hữu Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị B H; có chồng tên Trần Quang Th sinh năm 1972; có 02 con sinh năm 2002 và 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt.

4. Lê Thị T, sinh năm 1982; tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi thường trú: C4/15, Khu phố 6, phường Trung D, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N; nơi ở hiện nay: C c A5, đường Nguyễn Ái Q, phường Quang V, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Lê Văn Th (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1952; có chồng tên Phạm Hồng A (đã chết); có 02 con sinh năm 2006 và năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê Vũ O:* Ông Nguyễn Hồng L là Luật sư của Công ty Luật TNHH Ng & Brothers; địa chỉ: Số 84-86 Nguyễn Trường T, phường 12, Q 4, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kiều H*: Ông Đỗ Hải B, bà Nguyễn Thị Minh P là Luật sư của Văn phòng luật sư Quốc A, thuộc đoàn luật sư TP. HCM; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Th*: Ông Trần Cao Đại K Q là Luật sư của Công ty Luật TNHH Một Thành Viên T Â thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng N; địa chỉ: C35, đường D2, Khu phố 1, phường Bửu L, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Bích D*: Ông Hồ Hoài Nh là Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Trường M, thuộc đoàn luật sư TP. HCM; có mặt.

- *Ngoài ra, trong vụ án này còn có những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo và liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đ (viết tắt là Ngân hàng Phương Đ) có trụ sở chính tại địa chỉ: 41-45 Lê D, phường Bến Ng, Thành phố Hồ Chí Minh, được phép hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0061/NH-

GP ngày 13/4/1996 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp, lĩnh vực kinh doanh: hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng. Ngày 21/4/2008, Ngân hàng Phương Đ thành lập chi nhánh tại Đồng Nai với tên gọi Ngân hàng Phương Đ - Chi nhánh Đồng N, tại địa chỉ: 99/1, Quốc lộ 15, phường Tam H (nay tại địa chỉ: 101/504, đường Phạm Văn Th, phường Tân M, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N). Ngày 26/4/2014, Nguyễn Lê Vũ O được Ngân hàng Phương Đ tuyển dụng và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc bộ phận khách hàng cá nhân của Ngân hàng Phương Đ - Chi nhánh Đồng Nai. Những nhân viên dưới quyền của O gồm: Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1977; cư trú tại: 40/6.., Khu phố 4, phường Quang V, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N (là Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng); Chị Lê Thị T, sinh năm 1982, cư trú tại: K1/6C, K p 3, phường Bửu H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N (là Kiểm soát viên kiểm soát giao dịch); Chị Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm 1989, cư trú tại: Ấp 1, xã Thanh S, huyện Định Q, tỉnh Đồng N (là Nhân viên giao dịch).

Quy trình chuyển khoản đối với Uỷ nhiệm chi tại Ngân hàng Phương Đ quy định như sau: Khi khách hàng đến giao dịch chuyển tiền trong tài khoản sẽ được nhân viên giao dịch đưa phiếu ủy nhiệm chi để khách hàng điền thông tin chuyển khoản (nhân viên giao dịch có thể viết hộ) rồi chủ tài khoản ký vào mục chủ tài khoản. Sau đó, chủ tài khoản đưa phiếu ủy nhiệm chi cho nhân viên giao dịch mở hệ thống kiểm tra, đối chiếu rồi trình Kiểm soát viên hoặc Trưởng phòng dịch vụ khách hàng kiểm tra lại. Nếu Kiểm soát viên hoặc Trưởng phòng dịch vụ khách hàng đồng ý thì phê duyệt, tiến hành chuyển tiền rồi chuyển ủy nhiệm chi lại cho nhân viên giao dịch lưu trữ và đưa 01 biên lai cho chủ tài khoản. Nếu Kiểm soát viên hoặc Trưởng phòng dịch vụ khách hàng không đồng ý thì đưa lại ủy nhiệm chi cho nhân viên giao dịch để làm việc lại với chủ tài khoản.

Quá trình làm việc tại ngân hàng, Nguyễn Lê Vũ O cùng với ông Đặng Văn Th, sinh năm 1967, cư trú tại: Số 25, đường Nguyễn Á Q, K P 8, phường Tân Ph, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N và bà Lê Kim Z, sinh năm 1962, nơi cư trú: P1.., K p7, phường Thống N, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N (chung sống như vợ chồng với ông Th) có mối quan hệ làm ăn chung với nhau, bằng hình thức góp vốn mua đất đấu giá để bán lại kiếm lời, trong đó O chịu trách nhiệm về hồ sơ pháp lý. Để thuận tiện cho việc giao dịch, bà Z đã mở 01 tài khoản số 0014100003864003 tại Ngân hàng Phương Đ - Chi nhánh tỉnh Đồng N. Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2015, bà Z đã nhiều lần nhờ O chỉ đạo thực hiện giao dịch trước, sau đó bà Z ký bổ sung chủ tài khoản sau (không xác định được số lần và thời gian cụ thể). Lợi dụng sơ hở này, trong khoảng thời gian từ ngày 29/12/2015 đến ngày 16/02/2016, O đã 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tổng số tiền 1.604.000.000đ (Một tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu đồng) trong tài khoản số 0014100003864003 của bà Lê Kim Z, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 29/12/2015, O đã chỉ đạo chị Nguyễn Thị Kiều H viết uỷ nhiệm chi chuyển số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) từ tài khoản của bà Lê Kim Z qua tài khoản 0014100002474007 của O. Khi được O chỉ đạo, chị H đã viết uỷ nhiệm chi mã giao dịch FT15363JSC18 rồi đưa cho chị Nguyễn Thị

Bích D ký duyệt. Khi kiểm tra uỷ nhiệm chi xác định chưa có chữ ký của bà Lê Kim Z (chủ tài khoản), chị D hỏi chị H thì được chị H nói thực hiện theo chỉ đạo của O. Lúc này, chị D gọi điện thoại cho O để hỏi thì O nói "Do bà Z đang bận công việc không thể đến ký được, D cứ thực hiện uỷ nhiệm chi đi rồi O sẽ mang uỷ nhiệm chi về cho bà Z bổ sung chữ ký sau". Vì tin tưởng và là cấp dưới của O nên chị D đã ký duyệt và thực hiện lệnh chuyển tiền. Sau khi chuyển tiền, chị D đưa uỷ nhiệm chi trên để chị H giao lại cho O mang về cho bà Z bổ sung chữ ký. Số tiền trên O đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Lần thứ hai: Ngày 05/02/2016, Huy đã chỉ đạo chị Nguyễn Thị Kiều H viết uỷ nhiệm chi chuyển số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) từ tài khoản của bà Lê Kim Z qua tài khoản 0014100002474007 của O. Khi được O chỉ đạo, chị H đã viết uỷ nhiệm chi mã giao dịch FT16036LH71F rồi đưa cho chị Nguyễn Thị Bích D ký duyệt. Khi kiểm tra uỷ nhiệm chi xác định chưa có chữ ký của bà Z, chị D đã hỏi chị H thì được chị H nói thực hiện theo chỉ đạo của O. Lúc này, chị D gọi điện thoại cho O để hỏi thì O xác nhận và yêu cầu thực hiện nên chị D đã ký duyệt và thực hiện lệnh chuyển tiền. Sau đó, chị D đưa uỷ nhiệm chi trên để chị H giao lại cho O mang về cho bà Z bổ sung chữ ký. Số tiền trên O đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Lần thứ ba: Ngày 16/02/2016, cũng với hành vi như trên, O chỉ đạo chị Lê Thị Tthực hiện chuyển số tiền 54.000.000đ (Năm mươi bốn triệu đồng) từ tài khoản của bà Lê Kim Z qua tài khoản 0014100002474007 của O khi chưa được sự đồng ý và chưa có chữ ký của bà Z. Khi được O chỉ đạo, chị T đã yêu cầu chị Nguyễn Thị Kiều H viết uỷ nhiệm chi mã giao dịch FT16047P1BJK rồi đưa cho chị Thuỷ ký duyệt và thực hiện lệnh chuyển tiền. Sau đó, chị T đưa uỷ nhiệm chi trên để chị H giao lại cho O mang về cho bà Z bổ sung chữ ký. Số tiền trên O đã sử dụng vào mục đích cá nhân.

Vật chứng của vụ án bị thu giữ gồm: 03 Ủy nhiệm chi mã giao dịch FT15363JCS18 ngày 29/12/2015; FT16036LH71F ngày 05/02/2016; FT16047P1BJK ngày 16/02/2016.

Tại Kết luận giám định số 573/KLGĐ ngày 11/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng N kết luận:

- Chữ viết (loại trừ chữ viết phần mục Chủ tài khoản ký và đóng dấu) trên 03 ủy nhiệm chi: mã giao dịch FT15363JCS18 ngày 29/12/2015; FT16036LH71F ngày 05/02/2016; FT16047P1BJK ngày 16/02/2016 với chữ viết của Nguyễn Thị Kiều H do cùng một người viết ra.

- Chữ ký và chữ viết mang tên Lê Kim Z tại phần mục Chủ tài khoản ký và đóng dấu trên 03 ủy nhiệm chi mã giao dịch FT15363JCS18 ngày 29/12/2015; FT16036LH71F ngày 05/02/2016; FT16047P1BJK ngày 16/02/2016 với chữ ký và chữ viết mang tên Lê Kim Z trên tài liệu so sánh không phải do cùng một người ký và viết ra.

- Chưa đủ cơ sở để kết luận chữ ký và chữ viết mang tên Lê Kim Z tại phần mục chủ tài khoản ký và đóng dấu ở 03 ủy nhiệm chi mã giao dịch FT15363JCS18 ngày 29/12/2015; FT16036LH71F ngày 05/02/2016; FT16047P1BJK ngày 16/02/2016 với chữ ký và chữ viết của Nguyễn Lê Vũ O, Lê Thị T, Nguyễn Thị Kiều H, Đặng Văn Th, Vũ Hoàng Thái D có phải do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra, O khai đã chỉ đạo nhân viên cấp dưới viết và thực hiện lệnh chuyển tiền từ tài khoản bà Z qua tài khoản của O khi chưa có chữ ký và sự đồng ý của bà Z nhưng được sự đồng ý của ông Đặng Văn Th. Khi nhận 03 uỷ nhiệm chi mã số FT15363JSC18 ngày 29/12/2015; FT16036LH71F ngày 05/02/2016; FT16047P1BJK ngày 16/02/2016 từ chị Nguyễn Thị Kiều H thì O đã giao lại cho ông Th để mang về cho bà Z bổ sung chữ ký. Tuy nhiên, ông Th khai không nhận bất cứ uỷ nhiệm chi nào từ O để mang về cho bà Z ký và ông Th cũng không đồng ý cho Huy chuyển tiền từ tài khoản bà Z qua tài khoản của O. Mặt khác, O không thừa nhận mình là người ký giả chữ ký của bà Z, nên Cơ quan điều tra chưa xác định được ai là người ký giả chữ ký của bà Z trên 03 uỷ nhiệm chi trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ngân hàng Phương Đ đã trả lại cho bà Lê Kim Z số tiền 1.604.000.000 đồng. Anh Phan Hữu S (là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Phương Đ) yêu cầu Nguyễn Lê Vũ O bồi thường số tiền 1.604.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, chị Phạm Thị Thư S (vợ của O) đã tự nguyện nộp số tiền 1.384.000.000 đồng, Nguyễn Thị Kiều H bồi thường số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo Lê Thị T nộp số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường cho Ngân hàng Phương Đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2023/HS-ST ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng N đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 7; Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP Tòa án nhân dân tối cao;

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Lê Vũ O, Nguyễn Thị Bích D, Nguyễn Thị Kiều H, Lê Thị T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản";

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 4, Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Nguyễn Lê Vũ O 12 (mười hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào cơ sở giam giữ chấp hành án; được trừ đi thời gian tạm giam trước đó từ ngày 25-02-2021 đến ngày 26-12-2022.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 4, Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích D 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều H 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 2, Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.4. Giao bị cáo Nguyễn Thị Kiều H cho UBND xã Thanh S, huyện Định Q, tỉnh Đồng N; bị cáo Nguyễn Thị Bích D cho UBND phường Quang V, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N; bị cáo Lê Thị T cho UBND phường Trung D, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Lê Vũ O kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Lê Thị T và Nguyễn Thị Kiều H kháng cáo yêu cầu tuyên không phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2613/QĐ-VKS-P2 ngày 26/5/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng N kháng nghị một phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng N, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kiều H và Nguyễn Thị Bích D.

Tại phần tranh tụng đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau: Bị cáo H, D phạm tội là do tại thời điểm này bị cáo O là giám đốc chi nhánh Ngân hàng, chỉ đạo các bị cáo thực hiện là do cả nể cấp trên, không có bàn bạc vụ lợi, không đáng kể nên mức án Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2613/QĐ-VKS-P2 ngày 26/5/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng N. Đối với bị cáo O chỉ đạo cấp dưới thực hiện 3 ủy nhiệm chi, không được sự đồng ý của bà Z, ông Th; kết luận giám định không phải chữ ký của bà Z; thực hiện ủy nhiệm

chi không đúng quy định của pháp luật. Bị cáo Huy lợi dụng người quản lý tài khoản cá nhân của khách hàng để chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo O. Bị cáo T thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo O, bị cáo T giữ chức vụ kiểm soát viên là người kiểm tra cuối cùng và ký duyệt chuyển tiền khi không có mặt bà Z, dù bị cáo biết làm vậy là sai nhưng bị cáo cũng ký duyệt chuyển 54.000.000 đồng vào tài khoản của O để O chiếm đoạt, nên bị cáo T đồng phạm giúp sức cho bị cáo O là có cơ sở, nên đề nghị bác đơn kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo H rút toàn bộ đơn kháng cáo nên các luật sư bào chữa cho bị cáo H chỉ đề nghị Hội đồng xem xét, bị cáo H không biết việc làm của bị cáo O, bị cáo chỉ thực hiện viết 3 ủy nhiệm chi khi không có mặt bà Z nên áp dụng Điều 29 Bộ luật hình sự miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo H là phù hợp.

Luật sư Lĩnh bào chữa cho bị cáo O: Vì giữa bị cáo và ông Th, bà Z có quan hệ làm ăn với nhau, các bên thống nhất mở tài khoản cá nhân của bà Oanh tại Ngân hàng OCB - Chi nhánh Đồng Nai để tiện giao dịch làm ăn; từ năm 2014 - 2015 bà Z cũng nhiều lần chuyển tiền nhờ bị cáo O thực hiện trước bà Z ký chứng từ sau; đại diện Viện kiểm sát cho rằng ông Thiện, bà Z không thừa nhận là không phù hợp, thực chất nguồn tiền chuyển vào tài khoản của bà Z là tiền làm ăn chung, mua 5 tài sản đấu giá để bán lại cho 2 người. Bà Z có sử dụng dịch vụ báo chuyển tiền từ tài khoản, tại thời điểm rút tiền bà Z biết nhưng không khiếu nại, mãi sau này mới khai báo với cơ quan Công An; nay không có căn cứ nào chứng minh tài khoản trên là tài sản riêng của bà Z, bà Z cũng thừa nhận nhờ bị cáo O chuyển tiền trước và ký chứng từ sau. Tuy nhiên, hiện nay có 3 ủy nhiệm chi không phải chữ ký của bà Z, từ đó mong muốn Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân bị cáo phạm tội; bị cáo lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội là tình tiết định khung hình phạt, nên không xem là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Do bị cáo O có nhiều tình tiết giảm nhẹ và mới đây ly hôn với vợ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Q bào chữa cho bị cáo Thủy: Bị cáo T không phải đồng phạm với bị cáo O; vì bị cáo T duyệt ký ủy nhiệm chi 54.000.000 đồng từ tài khoản của bà Z sang tài khoản của bị cáo O, bị cáo T không biết mục đích chiếm đoạt của bị cáo O, nên không thỏa mãn đồng phạm với bị cáo O. Khi làm việc tại Ngân hàng OCB - Chi nhánh Đồng Nai, bị cáo T chịu sự giám sát, quản lý, phân công công việc, chỉ đạo của cấp trên trực tiếp của bị cáo O - Giám đốc tại thời điểm đó; bị cáo T hoàn toàn không biết động cơ mục đích chỉ đạo của bị cáo O thực hiện giao dịch là để chiếm đoạt tài sản trong tài khoản của bà Z, nên không biết không tham gia bàn bạc để chiếm đoạt 54.000.000 đồng từ tài khoản của bà Z. Từ đó, bị cáo T có lỗi nhưng không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản nên không đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Luật sư Nhân bào chữa cho bị cáo D: Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị đối với bị cáo D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lê Vũ O, Lê Thị T và Nguyễn Thị Kiều H; Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2613/QĐ-VKS-P2 ngày 26/5/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng N đúng luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2613/QĐ-VKS-P2 ngày 26/5/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng N; bị cáo Nguyễn Thị Kiều H rút toàn bộ đơn kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kiều H.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo O: Bị cáo O lợi dụng được Ngân hàng OCB bổ nhiệm chức vụ Giám đốc bộ phận khách hàng cá nhân của Ngân hàng OCB - Chi nhánh Đồng Nai, được giao quản lý tài khoản khách hàng cá nhân tại Ngân hàng, đã có hành vi gian dối, chỉ đạo nhân viên cấp dưới thực hiện 03 ủy nhiệm chi khi không có mặt của chủ tài khoản và chữ ký chủ tài khoản trong 3 uỷ nhiệm chi, để chuyển tiền từ chủ tài khoản cá nhân của bà Lê Kim Z, sang tài khoản của bị cáo O vào các ngày 29/12/2015, 05/02/2016 và 16/02/2016 với tổng số tiền 1.604.000.000 đồng; do không có tiền trả bị cáo O đã bỏ trốn và sau đó ra đầu thú khi có lệnh truy nã của Cơ quan điều tra. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, để xét xử bị cáo O phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có cơ sở; (vì tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999 và có lợi cho bị cáo). Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của Ngân hàng nhiều lần, lợi dụng chức vụ chỉ đạo cấp dưới thực hiện nên cần phải có một mức hình phạt thật nghiêm đối với bị cáo là cần thiết. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn là lao động chính trong gia đình; đặc biệt bị cáo phạm tội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, sau khi phạm tội bị cáo bồi thường thiệt hại đã gây ra, đã khắc phục được hậu quả và bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hơn nữa, giữa bị cáo và bà Z, ông Thiện có mối quan hệ làm ăn với nhau, trong giai đoạn năm 2014 -2015, bị cáo thực hiện chuyển tiền nhiều lần từ tài khoản của bà Z trước rồi ký sau, không có việc gì xảy ra nhưng từ cuối năm 2015 và đầu năm 2016, do không thống nhất trong quan hệ làm ăn, dẫn

đến việc bị cáo thực hiện tội phạm. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 năm tù là quá nghiêm khắc, cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo T yêu cầu tuyên bị cáo không phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản": Theo tài liệu Cơ quan điều tra thu thập thì Ngân hàng OCB đã giao bị cáo Thuỷ làm kiểm soát viên tại Chi nhánh Đồng Nai. Theo quy định, khi khách hàng đến giao dịch chuyển tiền trong tài khoản sẽ được nhân viên giao dịch đưa phiếu ủy nhiệm chi để khách hàng điền thông tin chuyển khoản (nhân viên giao dịch có thể viết hộ) rồi chủ tài khoản ký vào mục chủ tài khoản. Sau đó, chủ tài khoản đưa phiếu ủy nhiệm chi cho nhân viên giao dịch mở hệ thống kiểm tra, đối chiếu rồi trình kiểm soát viên. Chủ tài khoản là bà Z không có mặt, không yêu cầu chuyển tiền, không ký nhận uỷ nhiệm chi; dù bị cáo T biết rõ nhưng bị cáo Thủy vẫn ký duyệt và thực hiện lệnh chuyển số tiền 54.000.000 đồng từ tài khoản của bà Z, qua tài khoản cá nhân của bị cáo O, để bị cáo O chiếm đoạt số tiền trên. Do đó, hành vi của bị cáo T là đồng phạm với vai trò giúp sức là phù hợp. Vì bị cáo T không thực hiện hành vi trên, không chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bị cáo O thì bị cáo O không thể chiếm đoạt được tài sản trên; phù hợp với Kết luận giám định tư pháp số: 2116/KLGĐ-ĐNA.TTGS ngày 26-12-2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai kết luận:

"3.2.3. Việc thực hiện thanh toán 03 ủy nhiệm chi chưa có chữ ký của chủ tài khoản, chưa đáp ứng đủ các yếu tố hợp lệ, hợp pháp để thực hiện lệnh thanh toán nhưng OCB vẫn chuyển tiền theo thông tin trên ủy nhiệm chi là chưa đúng quy trình thanh toán.

OCB thực hiện thanh toán 03 ủy nhiệm chi khi chưa được sự đồng ý và chưa có chữ ký của chủ tài khoản là bà Lê Thị Kim Z, khách hàng không trực tiếp đến OCB để giao dịch là chưa tuân thủ quy định mở và sử dụng tài khoản thanh toán….

3.2.4. …những người liên quan trong việc thực hiện 03 ủy nhiệm chi: Giao dịch viên Nguyễn Thị Kiều H, Kiểm soát viên Lê Thị T và Nguyễn Thị Bích D".

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Thuỷ phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là có cơ sở, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thủy.

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo O là có cơ sở nên chấp nhận, lời trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo T không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần. Do đó, chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo O, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo T. Sửa một phần bản án hình sự sơ

thẩm; do bị cáo Thủy kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2613/QĐ-VKS-P2 ngày 26/5/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng N và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kiều H, nên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2023/HS-ST ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng N, đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích D, bị cáo Nguyễn Thị Kiều H có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Lê Vũ O; không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị T. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2023/HS-ST ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng N như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Lê Vũ O, Lê Thị T phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản";

- Căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 41/2017/UBTVQH ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm a khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lê Vũ O 09 (chín) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án; được khấu trừ thời gian tạm giam trước đó từ ngày 25/02/2021 đến ngày 26/12/2022.

- Căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 41/2017/UBTVQH ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Trung D, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị Thủy nộp 200.000 đồng;

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1)
- TAND tỉnh Đồng N (1);
- VKSND tỉnh Đồng N (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng N (1);
- CA tỉnh Đồng Nai (1);
- Sở tư pháp tỉnh Đồng N (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng N (2) (để tống đạt cho bc 1b)
- Lưu (5), NTTP.